

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

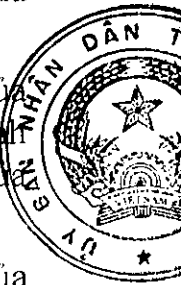
Căn cứ Quyết định số 2518/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ liên



quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 67/TTr-STNMT ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã thuộc tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Kiên Giang.

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định công bố này vào Trang thông tin điện tử (Website) Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ <http://botthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để thực hiện niêm yết công khai và giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *H2*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KSTTHC, P.KTCN;
- Lưu: VT, vvtu.

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(ban hành kèm theo Quyết định số 469 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 99

I. Lĩnh vực đất đai: 37

1. Thủ tục mới ban hành: 2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Đất đai 2013) - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) - Nghị định số



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có trách nhiệm phải gửi ý kiến đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.			01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP). + Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT).
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Không quá 7 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND - Quyết định	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.		số 39/2016/QĐ-UBND	2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT) - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT) - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Thông tư 02/2014/TT-BTNMT) - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND) - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND) - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND).

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung: 30

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày (<i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</i>). Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hiện được tăng thêm 10 ngày, trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai. - Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu (<i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</i>). Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì không quá 45 ngày thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT); - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khẩn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND. - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND. - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP - Nghị định 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND. - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
8	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			
9	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc tại	Không	Căn cứ pháp lý: - Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công (gọi tắt Nghị định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>được tăng thêm 10 ngày.</i>	UBND cấp xã nếu có nhu cầu.		số 118/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.
10	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Không quy định	Căn cứ pháp lý: - Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.
11	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	liền với đất	<i>chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.		- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.
12	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính;	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc UBND	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	<i>có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	cấp xã.		- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
13	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
14	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Không quy định	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;
20	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
21	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
23	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	Sở Tài nguyên và Môi trường: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thủ tục kiểm tra công trình, ban	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND;	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	hành thông báo. Văn phòng Đăng ký Đất đai: 20 ngày làm việc cấp Giấy chứng nhận. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	- Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND	118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND
25	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	<i>lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình.	126/2018/NQ-HĐND	01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND
26	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với	+ Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	sơ hợp lệ; + Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời</i>	dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu		- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			
27	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
28	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i>				
29	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc UBND cấp xã nếu có nhu cầu	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
30	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bô	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở	- Nghị quyết số	- Luật Đất đai 2013;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sung của Giấy chứng nhận do bị mất	<i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nếu có nhu cầu	125/2018/NQ-HĐND	43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
31	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<i>10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i> Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nếu có nhu cầu		01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
32	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức.	- Nghị Quyết số 125/2018/NQ-HĐND;	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số

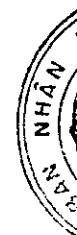
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị Quyết số 125/2018/NQ-HĐND.

3. Thủ tục giữ nguyên: 5

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
33	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty	Không quá 20 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nông, lâm nghiệp	hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thời gian các cơ quan gửi văn bản góp ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 15 ngày.	quả - Sở Tài nguyên và Môi trường		43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; + Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp (gọi tắt là Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT).
34	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội	- Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	vì lợi ích quốc gia, công cộng	đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất. - Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất. - Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt	nguyên và Môi trường		- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp mà thực hiện vượt quá 30 ngày: Nếu nhà nước chậm chi trả thì người có đất thu hồi được nhà nước thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả; nếu người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước. - Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.			
35	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.
36	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nước ngoài.				
37	Cung cấp dữ liệu đất đai	- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.	- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức; - Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện.	- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng, quản lý, khai thác thông tin đất đai (gọi tắt là Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT) - Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND)

II. Lĩnh vực môi trường: 16

1. Thủ tục sửa đổi, bổ sung: 8

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (thời gian chủ dự án hoàn chỉnh và gửi lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan tổ chức thẩm định không tính vào thời hạn giải quyết trên)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	- Luật Bảo vệ môi trường 2014 ngày 23 tháng 6 năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2014); - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP); - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2018/NĐ-CP). - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT); - Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đối với các dự án lập thủ tục về môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1686/QĐ-UBND); - Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Kiên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND).
2	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi tắt là Luật Khoáng sản năm 2010); - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. - Quyết định số 1686/2015/QĐ-UBND; - Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND)
3	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; - Quyết định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					1686/2015/QĐ-UBND; - Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.
4	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt).	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: + Thời hạn thẩm định phương án tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời hạn phê duyệt phương án: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt)			
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: + Thời hạn thẩm định phương án bổ sung tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời hạn phê duyệt phương án bổ sung: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.
6	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu	- Thời hạn xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	ngày nhận hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận:</i> 30 (ba mươi) ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).		2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (gọi tắt là Thông tư số 62/2017/TT-BTC).	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP); - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT); - Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 14/8/2018 sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT). - Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					(sau đây gọi tắt là Thông tư số 62/2017/TT-BTC).
7	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: 20 (hai mươi) ngày làm việc (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Thông tư số 62/2017/TT-BTC.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 62/2017/TT-BTC. - Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT.
8	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Thông tư số 62/2017/TT-BTC.	- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT. - Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT. - Thông tư số



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)				62/2017/TT-BTC.

2. Thủ tục giữ nguyên: 8

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (thời gian chủ dự án hoàn chỉnh và gửi lại bản kế hoạch bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan tổ chức thẩm định không tính vào thời hạn giải quyết.	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.
10	Cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		môi trường: + Đối với dự án không tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: 15 (mười lăm) ngày làm việc; + Đối với dự án phải tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: 30 (ba mươi) ngày làm việc.			
11	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định và trả kết quả: tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.
12	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định và trả kết quả: tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).			- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT).
13	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.
14	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	Tổng thời hạn giải quyết tối đa là 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đối với hoạt động khai thác khoáng sản				- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.
15	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH).	- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký. - Thời hạn xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: + 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trừ trường hợp dưới đây; + 30 (ba mươi) ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. <i>*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.</i>			
16	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: + 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trừ trường hợp dưới đây; + 30 (ba mươi) ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đăng ký chủ nguồn thải CTNH. <i>*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.</i>			

III. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 18

1. Thủ tục mới ban hành: 3

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm	57 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (sau

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa; + Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. - <i>Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận			đây gọi tắt là Nghị định số 158/2016/NĐ-CP); - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT); - Thông tư số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.			45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT).
2	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không.	- Luật Khoáng sản năm 2010);

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản				- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.
3	Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	145 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. * Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; + Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 191/2016/TT-BTC)	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 203/2013/NĐ-CP); - Thông tư số 191/2016/TT-BTC; - Thông tư số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định; + Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định. + Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có			27/2015/TT-BTNMT - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. - <i>Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả</i>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>kết quả hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu. * Đối với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> + Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác			

VIỆN GIA.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoáng sản. - <i>Việc trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thông báo và trả kết quả hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:</i>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. * Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; + Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. - <i>Việc trình hồ sơ cấp phép:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả</i>			



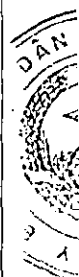
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>kết quả hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung: 15

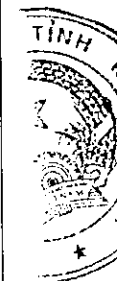
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	107 ngày làm việc. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 22/2012/NĐ-CP);

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thời gian nộp tiền đặt trước			- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT); - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	107 ngày làm việc. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.			
6	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	190 ngày làm việc: - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> không quá 05 ngày. - <i>Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:</i> + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thiết; + Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ; + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. - Thời hạn thẩm định báo cáo			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:</i> + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. + Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định. + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. <i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:</i> + Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.			
7	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	90 ngày làm việc: <i>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:</i> + Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 05 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức,	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC	- Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 05 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày + Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian			- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT); - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. + Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - <i>Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:</i> + Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
8	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	50 ngày làm việc. - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời gian không quá 05 ngày. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. - <i>Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò:</i>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy			

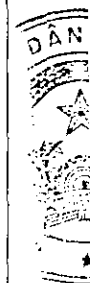


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
9	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản	50 ngày làm việc. - <i>Thời hạn hồ sơ</i>: không quá 05 ngày làm việc. - <i>Thời gian thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tích khu vực thăm dò khoáng sản - Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
10	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	50 ngày làm việc. - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> không quá 05 ngày. - <i>Thời gian thẩm định hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chuyển nhượng quyền thăm dò. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò. - Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò. Trong trường hợp không cấp			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.			
11	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	35 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời gian không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản. - <i>Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:</i> + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.			
12	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày làm việc. - Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 03 ngày. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.			
13	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 ngày. - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			ngày 26/12/2016.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.			
14	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.	- Luật khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn <i>- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác:</i> + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Trong thời gian không quá 03			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
15	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản <i>- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
16	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ:	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng - Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khai thác khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài			45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng. Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
17	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	200 ngày làm việc. - Đối với giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước Nghị định số 203/2013/NĐ-CP: + Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sản nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản về Sở Tài nguyên và Môi trường theo thẩm quyền cấp phép khai thác trong thời gian không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. + Đối với giấy phép khai thác khoáng sản cấp không thông qua đấu giá khai thác và sau Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước khai cấp phép: + Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoáng sản. - Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản. - Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương; thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo, tổ chức, cá nhân còn			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.			
18	Đóng cửa mỏ khoáng sản	123 ngày việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày. - Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: + Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). + Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		án đóng cửa mở và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý. + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải hồ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định. - Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: + Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ:</i> Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định. <i>- Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:</i> Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. <i>- Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:</i> Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản,			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. + Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 38/TT-BTNTM ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - <i>Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ:</i> Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. - <i>Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ:</i> Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.			



IV. Lĩnh vực tài nguyên nước: 12

1. Thủ tục mới ban hành: 2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2017/NĐ-CP). + Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng giá tính	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 (sau đây gọi tắt là Luật Tài nguyên nước 2012). - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 201/2013/NĐ-CP). - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND).	tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2017/NĐ-CP) - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND). - Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND.
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; + Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung: 10

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Thông tư số	- Luật Tài nguyên nước 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 60/2016/NĐ-CP); - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				250/2016/TT-BTC); + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Văn bản số	136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT);



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				127/UBND-KTTH ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND)	- Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất. - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Địa điểm thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Phí, lệ phí: + Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND	Căn cứ pháp lý: - Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT) - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; + Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
5	Cấp giấy phép khai thác,	Thời hạn giải quyết:	Địa điểm thực hiện:	Phí, lệ phí:	Căn cứ pháp lý:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND;	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT);

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND;
7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ / ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho các mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT); - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho các	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm;				- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
9	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
11	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài	+ Thông tư số 250/2016/TT-	- Luật Tài nguyên nước 2012;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	mô vừa và nhỏ.		nguyên và Môi trường.	BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.	- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT); - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ Thông tư số 250/2016/TT-BTC; + Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT); - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND



V. Lĩnh vực khí tượng thủy văn: 3

1. Thủ tục mới ban hành: 3

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- Kiểm tra hồ sơ: 02 ngày. - Tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định.	- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn (gọi tắt là Nghị định số 38/2016/NĐ-CP). - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2018/NĐ-CP).
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- Kiểm tra hồ sơ: 02 ngày. - Tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP.
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định.	- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP.



VI. Lĩnh vực đo đạc và bản đồ: 1

1. Thủ tục giữ nguyên: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	- Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc. - Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp.	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện theo Thông tư số 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ.	- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ. - Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ. - Thông tư số 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc – bản đồ.

VII. Lĩnh vực biển và hải đảo: 10

1. Thủ tục giữ nguyên: 10

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	a) <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hện giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. b) <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 60 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2016/NĐ-CP).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan; <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.			
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	a) <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. b) <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 45 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.



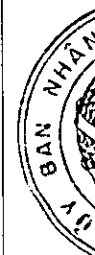
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy		Bộ phận Tiếp nhận và		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phép nhận chìm ở biển	a) <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. b) <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời	Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định.	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi	Không quy định.	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015.



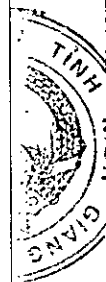
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 45 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết</i>	trường.		- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định.	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

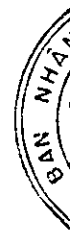


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 15 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
6	Giao khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 45 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT giữa Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> Thời hạn trình hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. <i>- Thời hạn thông báo và trả</i>		phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.	51/2014/NĐ-CP). - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>kết quả hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
7	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/ND-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bản về các vấn đề liên quan. - Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
8	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn tiến hành thẩm	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>định</i>: Không quá 20 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - <i>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</i>: Thời hạn trình hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trình hồ sơ. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
9	Trả lại khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến,	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - <i>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> Thời hạn trình hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.			
10	Thu hồi khu vực biển	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Tài	Không quy định.	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quy định	nguyên và Môi trường.		

VIII. Lĩnh vực viễn thám: 1

1. Thủ tục giữ nguyên: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám	- Trong thời hạn chậm nhất là 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đồng ý cung cấp hoặc không cung cấp dữ liệu cho tổ chức cá nhân. - Thời hạn cung cấp theo Quy chế cung cấp dữ liệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- UBND tỉnh; - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; - Thông tư số 108/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm	- Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia - Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quy định	nguyên và Môi trường.		

VIII. Lĩnh vực viễn thám: 1

1. Thủ tục giữ nguyên: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám	- Trong thời hạn chậm nhất là 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đồng ý cung cấp hoặc không cung cấp dữ liệu cho tổ chức cá nhân. - Thời hạn cung cấp theo Quy chế cung cấp dữ liệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- UBND tỉnh; - Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; - Thông tư số 108/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm	- Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia - Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-

				2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.	TTg. - Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; - Thông tư số 108/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.
--	--	--	--	---	--



IX. Lĩnh vực công nghệ thông tin: 1

1. Thủ tục mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	- Đối với trường hợp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quy định. - Đối với trường hợp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu: Thời hạn giải quyết trong 05 ngày làm việc, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, Trung tâm Công nghệ	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư 196/2016/TT-BTC, ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc bản đồ; Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND ngày 8/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.	Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.			



B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 10

I. Lĩnh vực đất đai: 9

1. Thủ tục sửa đổi, bổ sung: 7

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có nhu cầu.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị Quyết số 125/2018/NQ-HĐND.
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Cấp quyền sử dụng đất: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp	- Nghị Quyết số 125/2018/NQ-HĐND	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: + Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có nhu cầu.		- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị Quyết số 125/2018/NQ-HĐND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. + Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Không quá 30 ngày làm việc được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trung cầu giám định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND.
4	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Không quá 20 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		UBND.	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Không quá 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		UBND.	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.
6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Không quá 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có nhu cầu	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND. - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.			- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.
7	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày, trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.



2. Thủ tục giữ nguyên: 2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Không quy định.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Không quy định.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;



II. Lĩnh vực môi trường: 1

1. Thủ tục giữ nguyên: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

C. THỦ TỤC CẤP XÃ: 4

I. Lĩnh vực đất đai: 1

1. Thủ tục giữ nguyên: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy	- Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không quy định	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định - Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày.			

II. Lĩnh vực môi trường: 3

1. Thủ tục mới ban hành: 1

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Thời hạn xác nhận Hợp đồng là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12; - Nghị định 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

2. Thủ tục giữ nguyên: 2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.
3	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.

